

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê Niên vụ 2024 - 2025 và Kế hoạch Niên vụ cà phê 2025 - 2026 và Tổng kết tái canh cà phê giai đoạn 2020-2025, Kế hoạch tái canh giai đoạn 2026-2030

PHẦN I

TỔNG KẾT SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN, KINH DOANH, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ NIÊN VỤ 2024-2025

Đắk Lắk được xem là thủ phủ cà phê của Việt Nam với diện tích và sản lượng đứng đầu cả nước, chiếm khoảng 40% diện tích cả nước. Cà phê là sản phẩm nông nghiệp chủ lực trong cơ cấu nền kinh tế tỉnh, là sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm xã hội và kim ngạch xuất khẩu hàng năm của tỉnh, cà phê ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu nhập của đại đa số người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Sau khi sáp nhập tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú yên (cũ) thành tỉnh Đắk Lắk thì diện tích cà phê năm 2025 toàn tỉnh ước đạt 214.421,4 ha, sản lượng ước đạt 588.093 tấn/năm, trong đó khu vực phía Tây của tỉnh đạt 214.100 ha sản lượng ước đạt 587.893 tấn và phía Đông của tỉnh đạt 321 ha, sản lượng ước đạt 200 tấn. Cây cà phê không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế - xã hội mà còn có ý nghĩa to lớn về văn hóa du lịch của tỉnh. Quá trình phát triển ngành cà phê kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, văn hóa bản địa, đã thu hút ngày càng tăng lượng du khách đến thăm quan du lịch tại tỉnh Đắk Lắk.

Niên vụ cà phê 2024 - 2025 chứng kiến giá cà phê hạt đạt kỷ lục, giá tăng đột biến và hiện nay đang duy trì ở mức cao, điều này ảnh hưởng rất lớn đến tình trạng đứt gãy trong chuỗi cung ứng các đơn vị liên kết vùng nguyên liệu, xung đột quân sự ở các quốc gia trên thế giới gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả leo thang, kinh tế thế giới tiếp tục lạm phát cao gây ra nhiều khó khăn cho thị trường cà phê, đồng thời việc EU ra sắc lệnh nghiêm cấm nhập khẩu cà phê có liên quan đến nạn chặt phá rừng và siết chặt quy định dư lượng Bảo vệ thực vật đối với cà phê dẫn đến việc xuất khẩu qua những nước này cũng bị hạn chế, do vậy tình hình kinh doanh, xuất khẩu cà phê tỉnh Đắk Lắk niên vụ 2024-2025 gặp nhiều khó khăn.

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ NIÊN VỤ 2024-2025.

1. Tình hình sản xuất.

Cà phê Niên vụ mới (Niên vụ 2025-2026) đang chuẩn bị vào mùa thu hoạch, nên không có ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu (mưa bão vào tháng

thu hoạch cao điểm: tháng 11, tháng 12/2025) thì sản lượng niên vụ này tăng so với niên vụ cũ khoảng $\pm 10\%$. Lý do:

- Niên vụ vừa qua (Niên vụ 2024-2025) khí hậu thời tiết tương đối thuận lợi cho sự phát triển của cây cà phê.

- Giá cà phê tăng cao từ hơn 2 năm nay, trong 01 thời gian dài giá cà phê nội địa trên 100.000 đồng/kg, có thời điểm hơn 130.000 đồng/kg. Giá hiện tại ± 115.000 đồng/kg nên đã khuyến khích người nông dân và người lao động tăng đầu tư chăm sóc vườn cây (trong đó ngoài việc áp dụng quy trình sản xuất bền vững thì tập trung tái canh vườn cây với giống mới cho năng suất chất lượng cao). Các giống mới, đặc biệt giống cà phê Robusta đã được Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên nghiên cứu chọn lọc và đưa vào thực tiễn sản xuất với năng suất và chất lượng cao. Giống cà phê Robusta thực sinh TRS1 được người nông dân ưa chuộng và tiêu thụ nhiều nhất (chiếm khoảng 85%), tiếp đó là đến các giống ghép TR4, TR9, TR11, cà phê dây, cà phê xanh lùn (chiếm khoảng 15%). Về năng suất thực tế vườn cây các giống cà phê Robusta hiện tại vào giai đoạn kinh doanh ổn định có thể đạt năng suất tối đa 4-5 tấn nhân/ha, Trung bình là 2,8 tấn nhân/ha.

- **Về diện tích cà phê:** Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, diện tích cà phê Niên vụ 2024-2025 (khu vực phía Tây tỉnh Đắk Lắk) đạt 214.006 ha, tăng 1.900 ha so với Niên vụ trước, trong đó diện tích cho sản phẩm 201.694 ha, tăng 1.253 ha so với Niên vụ trước, năng suất bình quân đạt 28 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 564.024 tấn, tăng 28.352 tấn so với Niên vụ trước. Năng suất niên vụ 2024-2025 tăng là do một số diện tích cà phê tái canh đang đã đến thời gia cho thu hoạch, đồng thời Niên vụ vừa qua khí hậu thời tiết tương đối thuận lợi cho sự phát triển của cây cà phê. *(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo).*

Thực trạng sản xuất cà phê hiện nay trên địa bàn tỉnh đang diễn ra đó là: Hình thức tổ chức sản xuất cà phê chủ yếu là sản xuất cá thể, quy mô nhỏ lẻ, chỉ có khoảng trên 10% diện tích cà phê sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh do các Công ty thuộc Tổng công ty cà phê Việt Nam, các Công ty cà phê thuộc tỉnh Đắk Lắk và doanh nghiệp quản lý, còn lại gần 90% diện tích cà phê của tỉnh là do nông dân tự trồng, chăm sóc và quản lý. Tình trạng thu hái quả cà phê xanh còn diễn ra phổ biến, khâu chế biến còn bất cập, thiếu gắn kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ, một số doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn chưa quan tâm nhiều đến phát triển vùng nguyên liệu.

- **Về tái canh cà phê:** Tiếp tục triển khai Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích tái canh 24.441,78 ha, bình quân hàng năm sẽ tái canh khoảng 4.800 ha, năm 2025 theo kế hoạch tái canh là 5.136,06 ha.

Theo báo cáo của các địa phương: lũy kế kết quả tái canh đến năm 2025 đạt 19.157 ha/24.442 ha, đạt 78,38% kế hoạch, riêng năm 2025 thực hiện tái canh được 4.993 ha/5.136,06 ha kế hoạch, đạt 97,22%. Đây là một trong những năm có tỷ lệ diện tích tái canh đạt cao nhất trong những năm gần đây.

Đồng hành cùng với Chương trình tái canh cà phê của tỉnh, thông qua Chương trình Hợp tác Công tư (PPP), Công ty TNHH Nestlé Việt Nam phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) và Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên tổ chức hỗ trợ cây giống cho các địa phương với hình thức hỗ trợ giá 1.000 đồng/ cây giống. Tổng cây giống hỗ trợ năm 2025 khoảng 5.492.490 cây giống/5.982 nông dân trong địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cây giống được phân phối thông qua các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương cũng như các nhóm trưởng nông dân trên địa bàn.

Ngoài ra, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam đang triển khai Mô hình canh tác nông lâm kết hợp, các mô hình canh tác này sẽ bao gồm các loại cây dịch vụ đa dạng để hỗ trợ sản xuất cà phê bền vững, bảo tồn đất, giảm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thúc đẩy đa dạng sinh học và tăng thu nhập cho nông dân thông qua đa dạng hóa nguồn thu nhập từ vườn cây. Trong năm 2025 đã hỗ trợ 80.590 cây giống cho 305 nông dân tại các địa bàn triển khai chương trình Nescafe Plan. Sau 3 năm triển khai dự án đã nhận được sự ủng hộ và đồng thuận từ nông dân vì dự án mang lại nhiều lợi ích thiết thực và phù hợp với nhu cầu của nông dân trồng cà phê.

- **Về cơ cấu giống cà phê:** Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên đã nghiên cứu, lai tạo, tuyển chọn 9 dòng cà phê vối, gồm: TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TR11, TR12, TR13. Đây là những dòng cà phê mới đạt năng suất cao từ 4,2-7 tấn cà phê nhân/ha, chất lượng tốt, có cỡ hạt lớn đạt loại 1 trên 65%, kháng cao với bệnh gỉ sắt, tăng khả năng cạnh tranh mặt hàng xuất khẩu cà phê trên thị trường thế giới, trong đó có 4 dòng cà phê vối chín muộn: TR9, TR11, TR12, TR13 nhằm chuyển dần thời gian thu hoạch cà phê vào đúng mùa khô không những thuận lợi trong việc thu hoạch, bảo đảm chất lượng cà phê không bị hư hỏng do mưa trong quá trình phơi sấy mà còn giảm được lượng nước tưới cho cây cà phê trong mùa khô. Xây dựng vườn sản xuất hạt giống cà phê vối bằng các dòng vô tính chọn lọc, mỗi năm sản xuất, cung cấp từ 5-7 tấn hạt giống lai đa dòng TRS1.

- **Về tổ chức sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận/xác nhận:** Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có 04 loại hình cà phê chứng nhận phổ biến gồm: 4C (bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ Certified, RFA (Rừng nhiệt đới) và FLO (Thương mại công bằng). Tổng diện tích cà phê có chứng nhận theo báo cáo của các địa phương đạt 30.0170,2 ha, tổng sản lượng đạt 100.065,5 tấn/23.291 hộ sản xuất.

- **Kết quả thực hiện cấp mã số vùng trồng nội địa:** Đến nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã cấp 05 mã số/631ha cà phê, cụ thể: HTX dịch vụ Công bằng Ea Tu 60,4 ha, Công ty TNHH MTV cà phê 15: 420,41 ha; Công ty CP cà phê Ea pốk: 87,1 ha; Công ty TNHH HTV cà phê Cư Pul: 60,1 ha)

- **Kết quả thực hiện Quyết định số 2220/QĐ-UBND, ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định**

không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên Minh Châu Âu, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:

Theo Quyết định số 2220/QĐ-UBND, ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ), tổ chức IDH triển khai tại 03 huyện trước đây (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp), gồm: Krông Năng, Cư M'gar và Ea H'leo, với quy mô diện tích là 94.432 ha (trong đó: Krông Năng 25.000 ha; Cư M'gar 37.726 ha, và Ea H'leo 31.706 ha), các nội dung thực hiện trong giai đoạn thí điểm, gồm: Thiết lập cấu trúc hệ thống cơ sở dữ liệu; xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu rừng theo yêu cầu của EUDR; chuyển đổi và tích hợp dữ liệu bản đồ địa chính vào hệ thống cơ sở dữ liệu; xây dựng App khảo sát thông tin vùng trồng; khảo sát thu thập dữ liệu vùng trồng, cụ thể:

+ Huyện Cư M'gar: Để truyền tải kịp thời thông tin, truyền thông tới người dân biết đến biết đến sản xuất bền vững, sản xuất có trách nhiệm, sản xuất không gây mất rừng, Ban Chỉ đạo đã xây dựng lắp đặt 21 bảng truyền thông về Chương trình Compact, về Quy định không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên Minh Châu Âu (EUDR) tại Trung tâm UBND một số xã, thị trấn, khu dân cư và cổng trường học; Thiết kế/biên tập 350 poster, áp phích giới thiệu về Quy định không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên Minh Châu Âu (EUDR) treo, dán tại phòng một cửa UBND các xã, thị trấn, nhà văn hóa thôn, buôn và các HTX nông nghiệp; ký Biên bản cam kết với 155 hộ dân sống gần rừng về việc "Không chặt phá, lấn chiếm đất rừng để lấy đất sản xuất".

Thực hiện điều tra, khảo sát thu thập dữ liệu sản xuất, dữ liệu nông hộ đáp ứng Quy định EUDR đạt 36.393 ha cả phê trên tổng số 37.939 ha (đạt 95,93% tổng diện tích cả phê toàn huyện).

+ Huyện Krông Năng:

Ban Chỉ đạo đã đang tải các bản tin và lắp đặt bảng truyền thông, về Quy định không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên Minh Châu Âu (EUDR) tại Trung tâm UBND một số xã, thị trấn, khu dân cư và cổng trường học; thiết kế, biên tập poster, áp phích giới thiệu về Quy định không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên Minh Châu Âu (EUDR) treo tại nhà văn hóa thôn, buôn và các HTX nông nghiệp; ký Biên bản cam kết với 250 hộ dân sống gần rừng về việc "Không chặt phá, lấn chiếm đất rừng để lấy đất sản xuất".

Điều tra, khảo sát thu thập dữ liệu sản xuất, dữ liệu nông hộ đáp ứng Quy định EUDR đạt 18.943 ha cả phê trên tổng số 23.132 ha (đạt 81.9% tổng diện tích cả phê toàn huyện).

+ Huyện Ea H'leo: Ban Chỉ đạo Chương trình cảnh quan bền vững huyện Ea H'leo đã phối hợp với Công ty Intimex tập huấn cho gần 3.000 lượt người tham gia tập huấn với các chủ đề: tập huấn cho khảo sát viên, thu thập thông tin, dữ liệu nông hộ vùng sản xuất đáp ứng quy định EUDR; triển khai truyền thông và ký cam kết với các hộ dân không chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng để sản

xuất nông nghiệp; Tổ chức cho 1.200 nông dân tham quan học hỏi, chia sẻ qua mô hình sản xuất cà phê tiêu biểu.

Xây dựng 12 tin bài, chuyên mục, phóng sự, 12 xã, thị trấn tuyên truyền trên hệ thống phát thanh của xã, thị trấn được 144 lượt phát với nội dung thông tin, truyền thông về Quy định chống phá rừng (EUDR). In và cấp phát 205 tờ “áp phích, poster” với nội dung về quy định không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu EUDR.

Triển khai khảo sát thu thập thông tin dữ liệu nông hộ cho gần 45.000 phiếu cho 12 xã, thị trấn, đến nay đã thu về được 27.000 phiếu.

- Kết quả thực hiện Dự án Canh tác cà phê thích ứng biến đổi khí hậu ở Việt Nam: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật “Canh tác cà phê thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam”; Quyết định số 2297/QĐ-UBND Lăk ngày 06/09/2024 của UBND tỉnh Đắk (cũ) về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Với mục tiêu Cải thiện sinh kế của các nông hộ nhỏ trồng cà phê với ở các vùng khó khăn về nước tưới, chưa tham gia vào chương trình cà phê chứng nhận thông qua tập huấn về canh tác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước, đa dạng sinh học, giảm tồn dư hóa chất trong sản phẩm, bảo vệ sức khỏe người lao động và quản lý tài chính nông hộ trên quan điểm giảm phát thải, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thời gian thực hiện từ năm 2024 - 2028. Kết quả đạt được như sau:

+ Về Hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực cho khuyến nông viên cơ sở (Tập huấn viên - ToT): Triển khai tập huấn được 06 đợt với gần 200 lượt người tham gia.

+ Về hoạt động FFS: Triển khai được 142/868 lớp tập huấn cho nông dân, với tổng số 2.288 lượt người tham gia.

+ Về triển khai mô hình trình diễn: Triển khai với tổng số 12/20 mô hình được thực hiện trong năm 2025, Công ty TNHH tư vấn Tân Cao Nguyên (TCN) là đối tác tham gia trực tiếp triển khai lựa chọn địa điểm, thiết kế và thực hiện mô hình. Hai loại mô hình được lựa chọn để thực hiện, bao gồm: mô hình loại 1: Là mô hình tái canh trên vườn trước đây đã trồng cà phê và mô hình loại 2: Cải tạo các vườn tạp, kém hiệu quả, kém bền vững.

- Về hệ thống thủy lợi phục vụ cho cây cà phê: Theo thống kê đến nay, toàn tỉnh có 1.207 công trình thủy lợi gồm: 675 hồ chứa nước, 286 đập dâng, 244 trạm bơm và 02 tuyến đê bao.

Diện tích cà phê hiện có của tỉnh là 214.006 ha, trong đó diện tích tưới được hỗ trợ tiền, dịch vụ sử dụng giá sản phẩm công ích thủy lợi năm 2025 được tưới từ công trình thủy lợi 58.943 ha; diện tích được tưới từ các hồ chứa của các công ty cà phê, công an, bộ đội, sông suối, ao hồ do tạo nguồn và nước ngầm là 155.063 ha; 60.701 ha cây trồng cận được tưới tiên tiến tiết kiệm nước, trong đó

tưới phun mưa diện rộng: 58.131,50 ha; tưới phun cục bộ: 1.976 ha; tưới nhỏ giọt bình thường: 251 ha; tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân: 342,5 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Việc không chủ động nguồn nước tưới cho cà phê đã làm cho sản xuất cà phê thiếu tính bền vững, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu đã và đang xảy ra làm gia tăng tình trạng suy thoái nguồn nước, dẫn đến nguy cơ thiếu nước tưới cho nông nghiệp, đặc biệt là cây cà phê. Để góp phần đảm bảo cho sản xuất cà phê Đắk Lắk mang tính bền vững thì việc đầu tư xây dựng hệ thống các công trình thủy lợi phục vụ tưới cho cà phê trong thời gian tới hết sức cấp thiết.

- **Tình hình phát triển kinh tế tập thể:** Hợp tác xã sản xuất cà phê hiện nay hoạt động mang lại hiệu quả khá cao phù hợp với điều kiện sản xuất cà phê của tỉnh Đắk Lắk và là xu hướng phát triển tất yếu trong quá trình hội nhập quốc tế nhằm liên kết các hộ nông dân trồng cà phê và tổ chức lại sản xuất theo hướng bền vững có chứng nhận, tích cực ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, liên kết với các doanh nghiệp,... góp phần tạo ra sản phẩm cà phê có chất lượng và giá trị kinh tế cao trên thị trường. Tính đến tháng 10/2024 trên địa bàn tỉnh có 39/347 THT với tổng số thành viên tổ hợp tác là 546 người, bình quân 14 người và 73/834 HTX sản xuất cà phê với tổng diện tích 9.382,3 ha, trong đó diện tích của HTX quản lý là 3.176,1 ha và diện tích HTX liên kết là 6.206,2 ha.

+ Số HTX có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp: Có khoảng 51 HTX cà phê có liên kết với doanh nghiệp.

+ Số HTX cà phê có sản phẩm được cấp chứng nhận OCOP là 10 HTX.

+ Theo báo cáo của các địa phương có 104 HTX nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao, chủ yếu tập trung các lĩnh vực, như: Công nghệ tưới nhỏ giọt; công nghệ sấy sản phẩm bằng lò sấy trồng; công nghệ chế biến cà phê ướt; công nghệ rang xay. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp trên diện rộng để sản xuất các sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao đã được quan tâm; đưa tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) chiếm ít nhất 30% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp, HTX, THT, hộ gia đình sản xuất trồng trọt đã có nhiều nỗ lực đầu tư, nghiên cứu, thí điểm một số mô hình sản xuất NNUDCNC cho năng suất cao, chất lượng tốt, an toàn thực phẩm trong đó có sản phẩm Cà phê là sản phẩm chủ lực của tỉnh.

2. Tình hình chế biến.

Hiện nay đa phần máy móc, thiết bị để chế biến cà phê đã có nhiều cải tiến, đa phần các cơ sở đã mua sắm các máy rang hiện đại hơn, sử dụng rang điện thay cho rang củi thủ công trước đây và phần lớn sử dụng máy móc được sản xuất trong nước, trong tỉnh (trước đây, phần lớn các máy móc, thiết bị chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh đều phải nhập từ nước ngoài hoặc các địa phương khác. Hiện nay, ngành cơ khí của tỉnh phát triển mạnh, với ưu thế chất lượng tốt, giá thành rẻ, nhiều loại máy móc, thiết bị đã đánh bật sản phẩm nhập từ Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil và các địa phương khác đã tạo điều kiện cho nhiều doanh

nghiệp cà phê trên toàn tỉnh có nhu cầu đổi mới công nghệ, nâng cao công suất của các cơ sở chế biến cà phê. Vì vậy, trang thiết bị máy móc của các doanh nghiệp cà phê Đắk Lắk hiện nay đã được đổi mới nhiều và hiện đại hơn). Trên địa phương hiện nay có những nhà máy chế biến cà phê công suất lớn, như: Cà phê Ngon (Cụm công nghiệp Cư Kuin), Trung Nguyên, Intimex (Cụm công nghiệp Tân An), An Thái (Khu công nghiệp Hòa Phú), Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk, Công ty TNHH Đắk Man, Chi nhánh Công ty TNHH Olam tại Đắk Lắk....

- Từ tháng 9/2024 đến tháng 9/2025: Tổng số cơ sở chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh tính đến nay là 272 cơ sở. Trong đó: 10 cơ sở sơ chế cà phê nhân xô xuất khẩu; 256 Cơ sở sản xuất cà phê bột; 13 cơ sở vừa sản xuất cà phê bột và cà phê hòa tan; 02 cơ sở vừa sản xuất cà phê bột và tinh cà phê; 01 Cơ sở sản xuất tinh cà phê.

- Sản lượng chế biến cà phê năm 2025 như sau: Cà phê nhân sản lượng đạt gần 530.000 tấn; Cà phê bột các loại sản lượng đạt 32.000 tấn; Cà phê hòa tan đạt 10.200 tấn.

+ Trong 9 tháng 2025: Sản lượng chế biến cà phê nhân, cà phê bột và cà phê hòa tan đạt 466.160 tấn; ước thực hiện cả năm 2025 là 530.000 tấn.

3. Tình hình cho vay đối với lĩnh vực cà phê

3.1. Công tác chỉ đạo và các chính sách tín dụng trong lĩnh vực cho vay cà phê

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 20/01/2025 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2025; Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 20/01/2025 về việc đẩy mạnh chuyển đổi số và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng, ngay từ đầu năm NHNN Khu vực 11 đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn nghiêm túc thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát và xử lý nợ xấu; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên (*nông nghiệp, nông thôn; kinh doanh hàng xuất khẩu; doanh nghiệp nhỏ và vừa; phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; kinh doanh của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao*), các lĩnh vực là tiềm năng, thế mạnh của tỉnh (*trồng, chăm sóc, chế biến và xuất khẩu các mặt hàng nông sản*) và các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ.

Ngày 08/10/2024, NHNN Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 827/ĐAL-THKT đề nghị các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn: (i) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cho vay tái canh cà phê theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn số 10/2015/TT-NHNN

ngày 22/7/2015, Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24/10/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (ii) Công khai, minh bạch điều kiện, hồ sơ thủ tục, hạn mức cho vay để khách hàng biết, thực hiện; hướng dẫn khách hàng có nhu cầu vay vốn tái canh cà phê xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi để khách hàng tiếp cận vốn vay thuận lợi. (iii) Chủ động làm việc trực tiếp với khách hàng để nắm bắt và kịp thời tháo gỡ khó khăn; tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ gia đình tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng để đầu tư tái canh cà phê, đầu tư máy móc, thiết bị chế biến...

Ngày 11/3/2025, NHNN Việt Nam Khu vực 11 ban hành Công văn số 39/KV11-TH đề nghị các Chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tiếp tục nâng quy mô Chương trình cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại văn bản số 5631/NHNN-TD ngày 14/7/2023, đồng thời mở rộng phạm vi thành Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản trên cơ sở đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh của khách hàng thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và khả năng mở rộng tín dụng của ngân hàng.

Ngày 09/5/2025, NHNN Việt Nam Khu vực 11 ban hành Công văn số 504/KV11-TH đề nghị các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 09/6/2015, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ; đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn vay của người dân, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; rút ngắn thời gian xét duyệt cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng; nâng cao hiệu quả thẩm định và đánh giá mức độ tín nhiệm khách hàng nhằm tăng cường khả năng cho vay không có tài sản đảm bảo trên cơ sở quản lý dòng tiền; đẩy mạnh triển khai các chương trình, chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

** Về thực hiện các quy định về lãi suất theo các chương trình, chính sách có liên quan:*

- Riêng đối với chương trình cho vay tái canh cà phê tại Tây Nguyên (*Văn bản số 3227/NHNN-TD ngày 11/5/2015 của NHNN Việt Nam*), Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam đã triển khai thực hiện:

+ Năm 2024: Văn bản số 10091/NHNN-CSTT ngày 29/12/2023 của NHNN Việt Nam về lãi suất cho vay tái canh cà phê tại Tây Nguyên năm 2024. Theo đó: (i) lãi suất cho vay đối với dư nợ các khoản cho vay trong thời gian ân hạn trả nợ gốc và lãi của ngân hàng với khách hàng là 4,0%/năm; (ii) lãi suất cho vay đối với dư nợ các khoản cho vay sau thời gian ân hạn trả nợ gốc và lãi của ngân hàng với khách hàng là 7,8%/năm.

+ Năm 2025: Văn bản số 10752/NHNN-CSTT ngày 31/12/2024 của NHNN Việt Nam về lãi suất cho vay tái canh cà phê tại Tây Nguyên năm 2025: Theo đó, lãi suất cho vay đối với dư nợ các khoản cho vay sau thời gian ân hạn trả nợ gốc và lãi của ngân hàng với khách hàng là 6,6%/năm.

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đến 31/8/2025 của NHNN Việt Nam: Các TCTD áp dụng quy định trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với 5 lĩnh vực ưu tiên thấp hơn các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thông thường (*hiện đang áp dụng 4%/năm*).

- Đối với Chương trình cho vay đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản theo Công văn số 5631/NHNN-TD ngày 14/7/2023 và Công văn số 2756/NHNN-TD ngày 15/4/2025 của NHNN Việt Nam và các văn bản triển khai chương trình tín dụng chính sách có liên quan của NHNN Việt Nam (*gói tín dụng 100.000 nghìn tỷ đồng*), theo đó, đối tượng vay vốn là khách hàng có dự án/phương án phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông, lâm, thủy sản với lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam thấp hơn tối thiểu từ 1%-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn (*ngắn hạn; trung, dài hạn*) của chính ngân hàng cho vay áp dụng trong từng thời kỳ.

- Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ. Theo đó, các NHTM cho vay đối với các nhu cầu vốn ngắn, trung và dài hạn bằng đồng Việt Nam của khách hàng với lãi suất cho vay thấp hơn từ 0,5%/năm -1,5%/năm so với mức lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn của NHTM, phù hợp với quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam.

3.2. Kết quả cho vay đối với lĩnh vực cà phê Niên vụ 2024-2025: Theo báo cáo của ngân hàng nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk:

- Doanh số cho vay (*bao gồm trồng mới, chăm sóc, thu mua, xuất khẩu*) niên vụ 2024-2025 đạt khoảng 333.900 tỷ đồng, cao hơn doanh số cho vay niên vụ 2023-2024 là 39.061 tỷ đồng (*tương ứng 13,25%*).

- Dư nợ cho vay:

+ Dư nợ cho vay cà phê bình quân niên vụ 2024-2025 đạt khoảng 26.600 tỷ đồng, thời điểm cao nhất đạt 28.314 tỷ đồng, thời điểm thấp nhất đạt 22.487 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ bình quân cho vay trồng trọt đạt 16.265 tỷ; thu mua, tiêu thụ, xuất khẩu đạt 10.063 tỷ đồng; chế biến, bảo quản đạt 273 tỷ đồng.

+ Tại thời điểm tháng 9/2025, dư nợ cho vay địa bàn tỉnh đạt 192.064 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay cà phê đạt khoảng 27.163 tỷ đồng, chiếm 14,14% tổng dư nợ cho vay toàn địa bàn, với khoảng 109.960 khách hàng còn dư nợ. Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt khoảng 19.087 tỷ đồng (*chiếm 70,31% dư nợ cho vay cà phê*), cho vay trung, dài hạn đạt khoảng 8.066 tỷ đồng (*chiếm 29,69% dư nợ cho vay cà phê*).

3.3. Kế hoạch cho vay cà phê Niên vụ 2025-2026

Nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn vốn phục vụ Niên vụ cà phê 2025-2026, NHNN Khu vực 11 tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn chủ động bố trí nguồn vốn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực cà phê của doanh nghiệp, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh,

thông qua việc triển khai một số chương trình, chính sách tín dụng có liên quan: Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 29/2025/TT-NHNN ngày 30/9/2025 của NHNN Việt Nam, hướng dẫn TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ; Tiếp tục triển khai cho vay đối với 5 nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên theo Thông tư 39/2016/TT-NHNN đến 31/8/2025 của NHNN Việt Nam.

Niên vụ cà phê 2025-2026, Dự kiến dư nợ cho vay bình quân khoảng 29.900 tỷ đồng, tăng 15% so với niên vụ 2024-2025. Các chi nhánh NHTM trên địa bàn cam kết đáp ứng nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp, người dân sản xuất kinh doanh cà phê, sau khi được Hội sở chính phân bổ thêm nguồn vốn hoạt động, các chi nhánh NHTM tiếp tục cân đối để ưu tiên cho vay đối với lĩnh vực này.

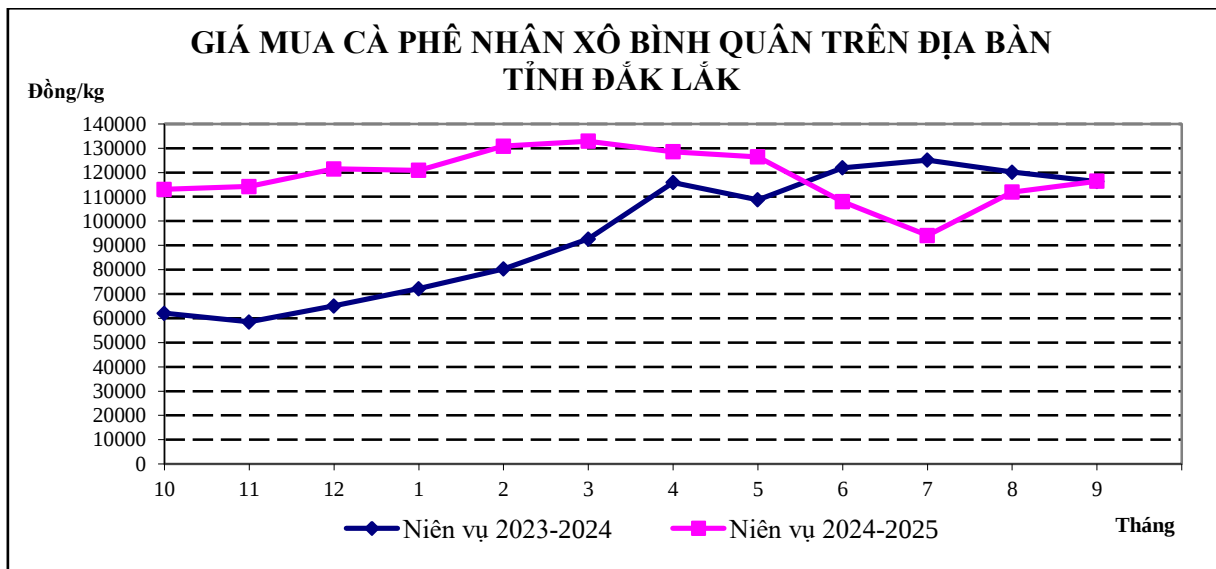
II. TÌNH HÌNH KINH DOANH, XUẤT KHẨU CÀ PHÊ NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2024-2025.

Niên vụ cà phê 2023-2024 chứng kiến giá cà phê đạt kỷ lục từ trước tới nay tuy nhiên tình hình kinh doanh, xuất khẩu cà phê tỉnh Đắk Lắk Niên vụ 2023-2024 gặp nhiều khó khăn do xung đột quân sự ở các quốc gia trên thế giới gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả leo thang, kinh tế thế giới lạm phát cao gây ra nhiều khó khăn cho thị trường cà phê. Hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu cà phê Niên vụ 2023-2024 đạt được những kết quả như sau:

1. Giá cà phê.

1.1. Giá mua cà phê: Giá cà phê nhân xô bình quân trên địa bàn tỉnh trong niên vụ 2024-2025 là 118.234 đồng/kg (tăng 24,6% so với giá bình quân Niên vụ 2023-2024 là 97.917 đồng/kg). Thời điểm giá mua bình quân cao nhất là tháng 3/2025 đạt trung bình 132.877 đồng/kg, ngày có giá mua cao nhất 134.000 đồng/kg (ngày 24/02/2025); tháng 7/2025 có giá mua trung bình thấp nhất ở mức 94.061 đồng/kg, giá mua thấp nhất trong niên vụ là 88.300 đồng/kg (ngày 15/7/2025).

Biểu đồ giá mua cà phê nhân xô bình quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



(Nguồn: Sở Công thương)

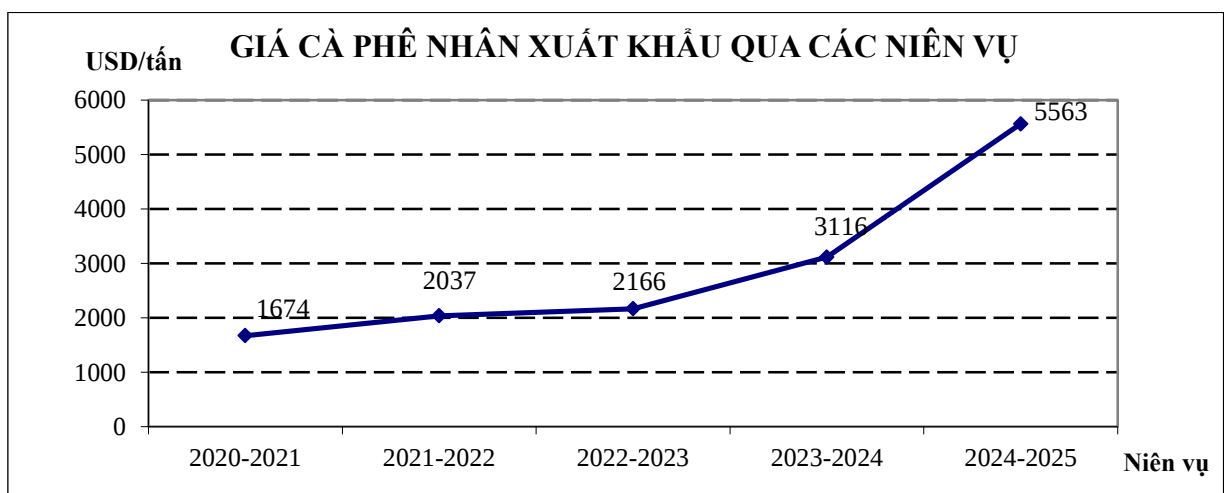
b) Giá xuất khẩu

1.2. Giá xuất khẩu: Giá cà phê Robusta trên thị trường London trong Niên vụ 2024-2025 bình quân là 4.781 USD/tấn, tăng 33,2% so với giá trung bình của Niên vụ 2023-2024 là 3.588 USD/tấn. Mức giá chào mua trên thị trường London giữ ở mức cao, tăng dần và giảm nhẹ ở cuối Niên vụ. Giá tăng cũng có nguyên nhân một phần do giá cước phí vận tải biển vẫn tăng cao.

- Trong Niên vụ 2024-2025 giá cà phê Arabica trên thị trường New York đạt bình quân 340 cent/lb, tăng 66,7% so với niên vụ 2023-2024.

- Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân của các doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk trong Niên vụ cà phê 2024-2025 đạt 5.563 USD/tấn, tăng 2.447 USD/tấn so với niên vụ trước.

Biểu đồ: Giá xuất khẩu cà phê nhân bình quân qua các Niên vụ gần đây.



(Nguồn: Sở Công thương)

2. Tình hình xuất khẩu:

2.1. Số lượng và kim ngạch xuất khẩu

a) Số lượng, kim ngạch xuất khẩu cả nước:

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Cục hải quan Việt Nam, Niên vụ 2024-2025 cả nước xuất khẩu cà phê đạt 1.475.788 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 8.309.390.545 USD, giảm 0,28% về lượng nhưng tăng gần 52,9% về giá trị so với Niên vụ trước.

b) Số lượng kim ngạch xuất khẩu tỉnh Đắk Lắk:

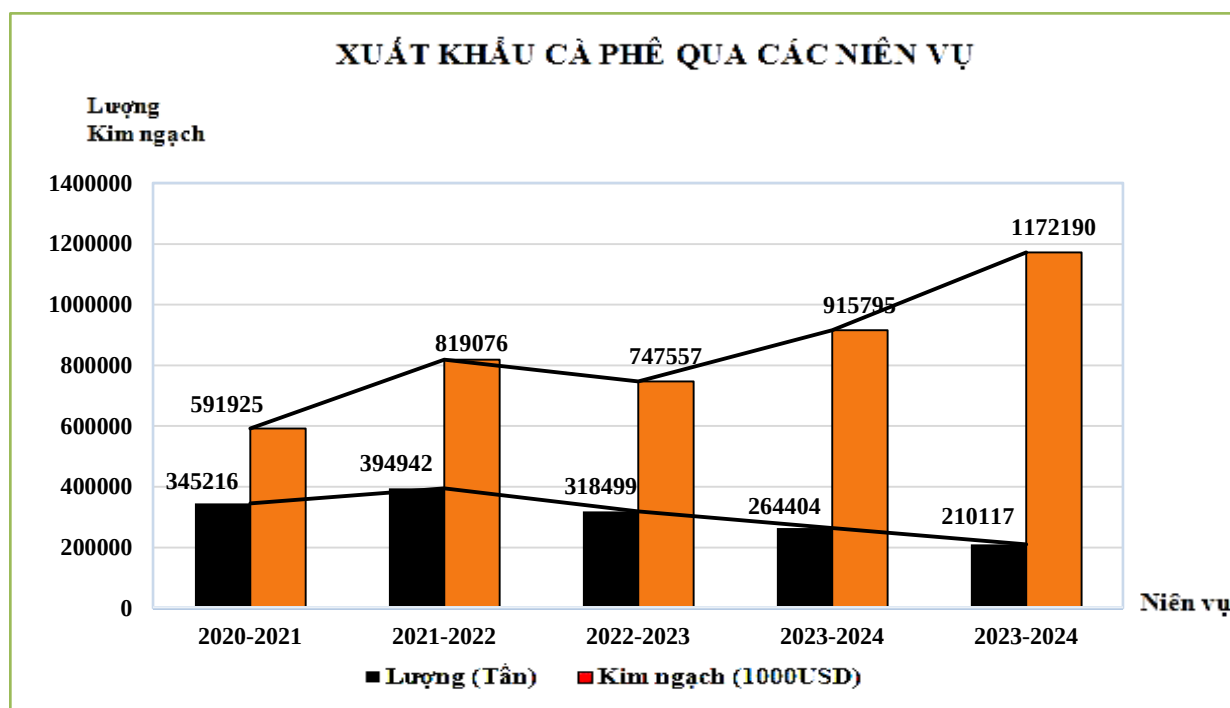
Niên vụ cà phê 2024-2025, tỉnh Đắk Lắk xuất khẩu 210.117 tấn cà phê, giảm 54.287 tấn so với niên vụ 2023-2024 (giảm 20,5%), chiếm tỷ trọng 14,2% so với cả nước; Kim ngạch xuất khẩu đạt 1.172.189.644 USD, tăng 256,395 triệu USD so với niên vụ trước (tăng 28%), chiếm tỷ trọng 14,1% so với cả nước. So với niên vụ 2023-2024, xuất khẩu cà phê của tỉnh giảm về lượng nhưng tăng về kim ngạch do giá cà phê liên tục tăng nóng trong thời gian qua, trong đó:

- Xuất khẩu cà phê nhân đạt 999,446 triệu USD, tăng 27,5% so với niên vụ 2023-2024 (783,895 triệu USD).

- Xuất khẩu cà phê hòa tan đạt 172,744 triệu USD, chiếm tỷ lệ 14,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh. So với niên vụ cà phê 2023-2024 kim ngạch xuất khẩu cà phê hòa tan tăng 40,844 triệu USD. Nhìn chung xuất khẩu cà phê trên địa bàn tỉnh chủ yếu vẫn là cà phê nhân, cà phê hòa tan các niên vụ gần đây tuy có tăng nhưng vẫn chiếm tỉ lệ nhỏ trong kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh. Các sản phẩm cà phê chế biến khác, như: cà phê rang, cà phê bột... xuất khẩu rất ít.

Công ty TNHH MTV XNK 2-9 Đắk Lắk tiếp tục là đơn vị dẫn đầu trên địa bàn tỉnh về xuất khẩu cà phê nhân với 105.993 tấn, đạt kim ngạch 552,604 triệu USD; tiếp đến là Công ty TNHH Sucden Coffee Việt Nam với lượng cà phê xuất khẩu đạt 29.367 tấn, kim ngạch 155,499 triệu USD. Có 02 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chuyên chế biến và xuất khẩu cà phê hòa tan là Công ty TNHH cà phê Ngon và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển An Thái.

Biểu đồ: xuất khẩu cà phê của tỉnh Đắk Lắk trong các Niên vụ gần đây



2.2. Thị trường xuất khẩu

Nhìn chung cà phê Đắk Lắk vẫn tập trung xuất khẩu cà phê nhân sang các thị trường truyền thống lâu nay như Đức, Thụy Sĩ, Nhật Bản, Italia, Mỹ... đồng thời xúc tiến khai thác những thị trường mới có nhiều tiềm năng ở các khu vực như Mỹ Latinh, Trung Đông, Châu Phi.

Khai thác hiệu quả các cơ hội mở cửa thị trường từ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong các Hiệp định thương mại tự do để đẩy mạnh xuất khẩu vào các khu vực thị trường lớn, như: EU, ASEAN, Đông Bắc Á, Châu Đại Dương...

III. KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ BUÔN MA THUỘT

3.1. Trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột

Đến nay Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đã cấp cho 17 đơn vị sử dụng cho sản phẩm cà phê nhân Robusta, với 24.600 tấn cà phê nhân trên diện tích 7.994 ha, 241,2 tấn cà phê hạt rang và 175 tấn cà phê bột. Tuy nhiên, 01 đơn vị là Công ty Cổ phần Đầu tư-Xuất nhập khẩu Đắk Lắk xin dừng hoạt động từ tháng 10/2024. Vì vậy, tổng số đơn vị được cấp và sử dụng CDĐL cà phê Buôn Ma Thuột là 16 đơn vị, sử dụng cho sản phẩm cà phê nhân Robusta, với 23.850 tấn cà phê nhân trên diện tích 7.750 ha, 236,2 tấn cà phê hạt rang và 170 tấn cà phê bột.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

- Các đơn vị được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” cho sản phẩm cà phê nhân về cơ bản tất cả đáp ứng được các tiêu chí của Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” như: Hệ thống quản lý đảm bảo; Tuân thủ quy trình sản xuất và thu hoạch; Phân hạng chất lượng và Truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

- Các đơn vị được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” cho sản phẩm cà phê hạt rang, cà phê bột đáp ứng được các tiêu chí về Hệ thống quản lý; Kỹ thuật chế biến cà phê hạt rang, bột; Kỹ thuật chế biến đóng gói, bảo quản và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm. Công bố chất lượng sản phẩm đảm bảo tiêu chí hơn 70% cà phê nhân Robusta có chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”.

3.2. Đăng ký bảo hộ quốc tế chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột ở nước ngoài

Chỉ dẫn địa lý cà phê “Buôn Ma Thuột” đến nay đã được bảo hộ tại 32 quốc gia với các hình thức bảo hộ khác nhau, trong đó:

- Bảo hộ dưới hình thức “Chỉ dẫn địa lý” tại 28 quốc gia: gồm 27 quốc gia trong khối EU sau khi Hiệp định song phương EVFTA có hiệu lực từ tháng 7/2020 và Thái Lan.

Tại Nga, do Tên gọi xuất xứ hàng hóa hết hạn phải gia hạn, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu ủy quyền UBND tỉnh cho Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh và thay mặt UBND tỉnh Đắk Lắk nộp đơn xin gia hạn TGXXHH số 147 tại Nga và đã bị Cục Sở hữu trí tuệ Nga từ chối với lý do TGXXHH tại Việt Nam đã được chuyển đổi thành CDDL từ năm 2020, nên không còn tồn tại với tư cách là một TGXXHH. Vì vậy, không có đủ cơ sở pháp lý để gia hạn TGXXHH Buôn Ma Thuột số 147 tại Nga, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ có văn bản xác nhận TGXXHH “Buôn Ma Thuột” đã chấm dứt hiệu lực tại Việt Nam để bảo hộ “Chỉ dẫn địa lý” tại Nga theo quy định của Việt Nam và Nga.

3.3. Tổ chức sản xuất và thương mại cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột (trên cơ sở kiểm tra, đánh giá nội bộ đến tháng 9 năm 2025)

3.3.1. Đối với cà phê nhân mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột

a) Quy trình chăm sóc, thu hoạch và chế biến cà phê có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột

Chăm sóc: theo đánh giá của đoàn kiểm tra các công đoạn chăm sóc vườn cây của nông hộ đã được các đơn vị tập huấn và hướng dẫn cụ thể. Hệ thống cây che bóng, chắn gió đa dạng chủ yếu (muồng đen, cây ăn trái, trụ tiêu...). Vườn cây được vệ sinh thường xuyên, cành khô và tàn dư của thực vật được nông hộ đưa ra khỏi bờ lô để tiêu hủy. Nông hộ sử dụng men vi sinh để ủ vỏ cà phê cùng với phân chuồng để làm phân bón, tăng độ phì nhiêu cho vườn cà phê. Các nông hộ giảm rõ rệt sự lạm dụng hóa chất bảo vệ thực vật trên vườn cây. Nông hộ đã sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học để phòng trừ các loại sâu bệnh hại. Đa số các nông hộ đều tưới nước 3 - 4 đợt/năm, áp dụng phương pháp tưới cho phù hợp với từng giai đoạn, như: phun mưa, tưới tràn.

Thu hoạch, chế biến và bảo quản: Để đảm bảo chất lượng cà phê nhân, các đơn vị đã thu hoạch nhiều đợt khác nhau (từ 2 - 3 đợt) và tỷ lệ quả chín của mỗi đợt đạt từ 70% – 80%. Cà phê quả tươi sau khi được thu hoạch được chế biến chủ yếu theo phương pháp chế biến khô và được phơi trên sân xi măng. Đối với một số đơn vị sản xuất chế biến cà phê chất lượng cao (chế biến ướt, bán ướt) thì tỷ lệ quả chín đạt từ 80% - 100%, như: Công ty Cổ phần cà phê Ea Pốk, Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi, Công ty TNHH MTV cà phê 15, Công ty TNHH MTV XNK 2-9 Đắk Lắk (tại các HTX liên kết với Công ty), Công ty TNHH TM DV SX XNK Si Café,...sau khi kết thúc các công đoạn chế biến ướt và bán ướt thì cà phê được phơi trên giàn, nhà màng hay sân xi măng.

Để khắc phục thời tiết xấu trong giai đoạn phơi cà phê, một số đơn vị đã sử dụng hệ thống sấy cà phê như Công ty TNHH MTV cà phê cao cao Tháng 10, Công ty cổ phần cà phê Thắng Lợi, Công ty cổ phần cà phê Ea Pốk,...điều này giảm những ảnh hưởng xấu đến chất lượng cà phê.

Bảo quản: Cà phê quả khô và cà phê thóc được làm khô tới độ ẩm (11 - 12,5%) trước khi mang bảo quản. Các đơn vị có hệ thống kho bảo quản cà phê nhân đảm bảo và đạt yêu cầu.

b) Phân hạng chất lượng

Cà phê nhân có chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đã được các đơn vị phân hạng chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở hoặc theo tiêu chuẩn TCVN 4193:2014 và tiêu chuẩn phân hạng chất lượng khi thương mại thì theo yêu cầu của khách hàng.

Để nâng cao chất lượng cà phê nhân các đơn vị đã có hệ thống máy bắn màu, máy phân loại và đánh bóng cà phê, như: Công ty TNHH MTV XNK 2/9, Công ty Cổ phần cà phê Thắng Lợi, Công ty Cổ phần cà phê Ea Pók...

c) Truy nguyên nguồn gốc sản phẩm

Các đơn vị sản xuất cà phê có chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đều có hệ thống hồ sơ để truy nguyên nguồn gốc sản phẩm đảm bảo theo yêu cầu đặt ra và có thể truy xuất nguồn gốc dễ dàng từ nông hộ đến kho bảo quản. Tất cả các công đoạn đều có hồ sơ lưu trữ rõ ràng. Đảm bảo yêu cầu về quy trình truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

d) Tình hình thương mại cà phê nhân có chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột”

Cà phê nhân chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được các đơn vị sản xuất trên cùng một đơn vị diện tích các loại cà phê có chứng nhận bền vững như 4C, RA, Flo, vì vậy việc tiêu thụ sản phẩm cà phê nhân chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” chủ yếu dưới dạng các loại chứng nhận bền vững: 4C, RA, FLO và cà phê chất lượng cao.

3.3.2. Đối với cà phê rang xay mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột

a) Tình hình sản xuất

Điều kiện sản xuất: Các đơn vị đã thiết lập, thực hiện và duy trì kiểm soát chất lượng tại từng công đoạn trong hoạt động chế biến và đều đáp ứng đủ điều kiện sản xuất như vệ sinh an toàn thực phẩm, ISO 22000:2005, HACCP...

Cơ sở vật chất: Các thiết bị, máy móc của nhà máy đều được lắp ráp từ các đơn vị uy tín và được kiểm tra, hiệu chỉnh định kỳ để đảm bảo tính chính xác an toàn trong hoạt động và tỷ lệ đồng nhất cao.

Với việc đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại các đơn vị đã nâng cao chất lượng sản phẩm và đưa ra thị trường các sản phẩm chất lượng cao phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng thông qua việc cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm mới, tăng cường nhận diện thương hiệu phù hợp với thị trường tiêu dùng.

b) Chất lượng sản phẩm

Các dòng sản phẩm được sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” ở các đơn vị được cấp quyền đều có tỷ lệ phối trộn nguyên liệu cà phê nhân Robusta “Buôn Ma Thuột” $\geq 70\%$ và đã được gắn logo chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột trên bao bì sản phẩm.

Chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu về chỉ tiêu công bố, việc ghi nhãn hàng hóa đúng quy định.

c) Truy nguyên nguồn gốc sản phẩm

Các đơn vị sản xuất cà phê có Chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” đều có hệ thống hồ sơ để truy nguyên nguồn gốc sản phẩm đảm bảo theo yêu cầu đặt ra và có thể truy xuất nguồn gốc dễ dàng.

Hồ sơ truy nguyên nguồn gốc nguyên liệu đầu vào (Cà phê nhân), các đơn vị được kiểm tra đều có các hóa đơn chứng từ mua bán đối với các đơn vị mua nguyên liệu (cà phê nhân), như: Công ty CP ĐT&PT An Thái, Cơ Sở sản xuất cà phê bột Phượng, Công ty TNHH PM Coffee.

Đối với các đơn vị Công ty XNK Đắk Lắk, Công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk, Công ty TNHH MTV cà phê 15, HTX NNDVCB Ea Kiết, HTX NNDVCB Ea Tu, Công ty TNHH TM DV SX XNK Si Café có vùng nguyên liệu đã được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” cho sản phẩm cà phê nhân đều có chứng từ luân chuyển cà phê nội bộ.

d) Tình hình thương mại

Các dòng sản phẩm cà phê hạt rang, cà phê bột được sử dụng chỉ dẫn địa lý “Buôn Ma Thuột” được các đơn vị sử dụng trên các dòng sản phẩm “cao cấp” “đặt biệt” được tiêu thụ chủ yếu ở thị trường nội địa.

Các phương thức quảng cáo được các đơn vị áp dụng nhằm tăng khả năng nhận diện thương hiệu đối với phía khách hàng, tạo ra sự quan tâm nhất định đối với các phân khúc khách hàng khác nhau.

Cùng với sự nỗ lực của các đơn vị trong công tác nâng cao năng lực chế biến, mở rộng thị trường cùng với sự chủ động trong công tác quảng bá, định vị thương hiệu để giúp các sản phẩm cà phê ngày càng khẳng định được vị trí trên thị trường.

Các đơn vị đều có sản phẩm thương mại hiện đang được bày bán rộng rãi tại các cửa hàng trên thị trường. Một số đơn vị có showroom giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng như: Công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk, Công ty CPĐT XNK Đắk Lắk, Công ty CP ĐT&PT An Thái,...

IV. TÌNH HÌNH XÚC TIẾN , THU HÚT, MỜI GỌI NHÀ ĐẦU TƯ:

4.1. Về Hoạt động xúc tiến thương mại

Trong niên vụ cà phê 2024-2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại đối với ngành hàng cà phê, tổ chức hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất chế biến cà phê tham gia các hội chợ triển lãm chuyên ngành, khu vực hay các chương trình kết nối giao thương với các địa phương trong và ngoài nước để đẩy mạnh tiêu thụ nội địa, hướng tới xuất khẩu. Tổ chức thành công Hội nghị Giao thương quốc tế - Kết nối, nâng tầm cà phê Việt nằm trong khuôn khổ Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 9 với sự tham dự của hơn 600 đại biểu là đại sứ, lãnh sự, tham tán, doanh nghiệp trong và ngoài nước, có các cặp biên bản ký kết

tại phiên kết nối giữa các doanh nghiệp. Nhiều sản phẩm cà phê chế biến của các doanh nghiệp trong tỉnh đã có mặt ở khắp các tỉnh thành trong cả nước, đặc biệt là sản phẩm cà phê rang xay nguyên chất, các sản phẩm cà phê sử dụng các công nghệ tiên tiến như siêu âm, sấy thăng hoa, ủ lạnh... được nhiều khách hàng ở các địa phương trong nước ưa chuộng.

4.2 Kết quả công tác xúc tiến, thu hút, mời gọi các nhà đầu tư đã và đang đầu tư các dự án sản xuất, chế biến cà phê tại địa phương.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 20 dự án đầu tư chế biến cà phê với tổng vốn đầu tư 6.110,7 tỷ đồng đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (*Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*), trong đó:

- Về dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài: có 03 dự án với tổng vốn đầu tư 3.359,3 tỷ đồng, gồm: (1) Dự án DakMan Việt Nam của Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu 2/9 và ED&F Việt Nam Holding B.V. Tổ chức kinh tế được thành lập: Công ty TNHH DaKMan Việt Nam, tổng vốn đầu tư 117,356 tỷ đồng, công suất 50.000 tấn cà phê nhân/năm và 5.000 tấn ca cao/năm; (2) Dự án Chế biến hạt cà phê và hạt ca cao của Công ty Sucden Holding B.V (Hà Lan). Tổ chức kinh tế được thành lập: Công ty TNHH Sucden Coffee Việt Nam, tổng vốn đầu tư 109,201 tỷ đồng, công suất 35.000 tấn/năm (3) Dự án Nhà máy Chế biến cà phê hòa tan cà phê ngon của Công ty TNHH CCL Products. Tổ chức kinh tế được thành lập: Công ty TNHH Cà phê ngon, tổng vốn đầu tư 3.133 tỷ đồng, công suất sản xuất cà phê hòa tan 36.000 tấn/năm; sản xuất cà phê lỏng 6.000 tấn/năm; mua bán, xuất nhập khẩu cà phê nhân 15.000 tấn/năm.

- Về dự án đầu tư trong nước: có 17 dự án với tổng vốn đầu tư 2.751,4 tỷ đồng, trong đó có 11 dự án đi vào hoạt động và 06 dự án đang thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư. Một số dự án tiêu biểu đã đi vào hoạt động đạt hiệu quả như: Dự án nhà máy chế biến cà phê hòa tan của Công ty cà phê An Thái tại Khu công nghiệp Hòa Phú, với vốn đầu tư khoảng 294 tỷ đồng; Dự án Nhà máy chế biến cà phê, nông sản xuất khẩu, cà phê bột của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Intimex tại Cụm Công nghiệp Tân An, với công suất 34.500 tấn/năm, vốn đầu tư 30,8 tỷ đồng...

- Ngoài các dự án nêu trên, trên địa bàn tỉnh hiện có 02 Nhà đầu tư đang đề xuất các dự án sản xuất, chế biến cà phê đầu tư: Công ty TNHH Farm Food đề xuất dự án liên kết và chế biến cà phê đặc sản tại xã Hòa Xuân, thành phố Buon Ma Thuật (*nay là xã Hòa Phú*) và Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk đề xuất dự án Nhà máy chế biến sâu cà phê tại Khu công nghiệp Hòa Phú.

- Theo định hướng chung về thu hút đầu tư của tỉnh sẽ tiếp tục tập trung kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất, chế biến cà phê vào các Khu Kinh tế Nam Phú Yên, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp nói riêng và trên địa bàn tỉnh nói chung.

4.3. Các giải pháp để thu hút, kêu gọi đầu tư cho lĩnh vực chế biến cà phê trong thời gian tới.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá tiềm năng và cơ hội đầu tư của Đắk Lắk; tổ chức hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp,

nông thôn trên địa bàn tỉnh. Cải thiện môi trường đầu tư để thu hút thêm được nhiều nhà đầu tư mới tham gia liên kết với nông hộ để sản xuất các sản phẩm cà phê có chất lượng cao, gồm cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

- Tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng xác định rõ ngành, lĩnh vực trọng điểm, địa bàn phù hợp, nhà đầu tư chiến lược và các dự án có tính động lực, lan tỏa cao. Trong đó tập trung thu hút các dự án có áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến phù hợp để tạo năng suất cao, chất lượng, hiệu quả tốt, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm cà phê trên thị trường, tiến tới phát triển sản xuất cà phê hữu cơ; tại vùng sản xuất cà phê theo quy hoạch, ưu tiên vùng sản xuất cà phê có chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột.

- Đa dạng hóa các hình thức xúc tiến đầu tư, nguồn lực xúc tiến đầu tư (mở rộng việc xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua việc hợp tác với các cơ quan, tổ chức nước ngoài tổ chức các chương trình tại Việt Nam để tiết kiệm chi phí, tăng cơ hội tiếp cận thông tin của doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư vào lĩnh vực chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh).

- Xây dựng và thực hiện các chính sách ưu đãi để khuyến khích hình thành và phát triển các chuỗi giá trị cà phê chất lượng cao như hỗ trợ tiếp cận thị trường, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ máy móc chế biến, hỗ trợ cấp chứng nhận... Khuyến khích sự hình thành và phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Hướng đến thu hút nhà đầu tư hình thành các nhà máy chế biến, gắn chế biến sâu với vùng nguyên liệu; ưu tiên nguồn vốn cho các doanh nghiệp đầu tư đầu tư máy móc thiết bị chế biến, hỗ trợ lãi suất đối với vốn vay cho những doanh nghiệp đầu tư nhằm đổi mới trang thiết bị công nghệ. Hỗ trợ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại để đẩy mạnh công tác xúc tiến, tìm kiếm thị trường, quảng bá sản phẩm cà phê chất lượng cao; hỗ trợ cho các doanh nghiệp cà phê của tỉnh đưa sản phẩm cà phê vào bán tại các siêu thị trong nước.

V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2024-2025.

1. Đánh giá chung:

- Niên vụ cà phê 2024-2025 chứng kiến giá cà phê đạt kỷ lục từ trước tới nay, có thời điểm giá cà phê nhân đạt trên 130.000 đồng/kg, tuy nhiên tình hình kinh doanh, xuất khẩu cà phê tỉnh Đắk Lắk Niên vụ 2024-2025 gặp nhiều khó khăn do xung đột quân sự ở các quốc gia trên thế giới gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả leo thang, kinh tế thế giới lạm phát cao gây ra nhiều khó khăn cho thị trường cà phê.

- Hiện nay, công tác quản lý và sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột ngày càng được các tổ chức, cá nhân quan tâm. Chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đã được mở rộng cho 04 dòng sản phẩm cà phê nhân, cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hòa tan nguyên chất. Đây là nỗ lực lớn của tỉnh nhằm đưa được sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đến người tiêu dùng cuối cùng.

- Công tác xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường đã được quan tâm chú trọng, đã xây dựng được thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột gây ấn tượng với bạn bè trong nước và quốc tế, giúp cho việc quảng bá thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, cà phê Việt Nam ra thị trường thế giới.

- Chất lượng cà phê xuất khẩu đã được doanh nghiệp quan tâm, đảm bảo được yêu cầu chất lượng cà phê cho xuất khẩu. Hiện nay xuất khẩu cà phê hòa tan vẫn chiếm tỷ lệ rất nhỏ và chưa đem lại nhiều giá trị gia tăng cho ngành cà phê Đắk Lắk.

- Ngoài ra để nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh mặt hàng cà phê của tỉnh, cả người sản xuất và doanh nghiệp cà phê đã đầu tư vốn để chăm sóc, tái canh diện tích cà phê già cỗi cho năng suất thấp, đầu tư máy móc thiết bị chế biến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê trên thị trường.

2. Một số khó khăn tồn tại: Niên vụ cà phê 2024-2025 còn một số tồn tại, khó khăn sau.

- Xung đột quân sự tại các quốc gia trên thế giới dẫn đến các doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn về vận chuyển dẫn đến các hợp đồng bị chậm, hàng hoá bị tồn kho, lãi suất ngân hàng, chi phí logistics tăng cao.

- Cà phê nhân có chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột đã có mặt trên thị trường trong nước nhưng số lượng tiêu thụ còn ít. Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm cà phê nói chung và cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột còn hạn chế, chưa có giải pháp cụ thể cho đẩy mạnh xúc tiến thương mại cà phê có chỉ dẫn địa lý cũng như các loại cà phê bền vững có chứng nhận nhằm đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu cà phê ra thị trường thế giới.

- Cà phê xuất khẩu của tỉnh chủ yếu vẫn là cà phê nhân (sản phẩm thô), tỷ trọng cà phê qua chế biến xuất khẩu hàng năm chưa tăng nhiều trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh.

- Sản phẩm cà phê được chế biến theo công nghệ ướt, chế biến sâu còn nhiều hạn chế do vậy giá cà phê nhân xuất khẩu cũng như giá trị gia tăng thấp, ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân. Công tác thu hút, mời gọi các dự án đầu tư vào sản xuất, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng nhưng chưa đồng bộ. Các nhà đầu tư chủ yếu quan tâm đến chế biến thô, giá trị thấp, chưa mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho địa phương cũng như tăng thu nhập cho người nông dân. Việc triển khai chính sách đối với ngành cà phê vẫn còn nhiều bất cập, thiếu thực tiễn, chưa đầy đủ và đồng bộ, dẫn đến khó khăn cho cả doanh nghiệp và người nông dân.

- Diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp, trái quy luật, nắng nóng, khô hạn, mưa bão, lũ lụt ngày càng bất thường, tình trạng sâu bệnh hại có chiều hướng gia tăng cả về chủng loại và cấp độ.

- Hình thức tổ chức sản xuất cà phê hiện nay của tỉnh chủ yếu là sản xuất nông hộ, quy mô diện tích nhỏ, manh mún. Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất ngày càng xuống cấp và chưa đồng bộ, vẫn đề thiếu sân phơi, nhà kho, thiết bị chế biến, thiếu nhân công nhất là lao động thu hái, chế biến cà phê khi vào vụ thu

hoạch... đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm. Thiếu sự gắn kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu; một số doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu cà phê trên địa bàn tỉnh chưa quan tâm đến phát triển vùng nguyên liệu.

- Hiện nay giá một số loại cây ăn như quả sầu riêng ở mức cao nên người dân có khuynh hướng trồng xen và cải tạo dần mà không tái canh toàn bộ diện tích cà phê dẫn đến khó khăn trong việc vay vốn ngân hàng hoặc chặt bỏ cây cà phê chuyển sang trồng cây ăn quả. Biến động giá cà phê, vật tư đầu vào các loại, chi phí vận chuyển liên tục tăng cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của người sản xuất cà phê.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÁI CANH CÀ PHÊ GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. CÁC VĂN BẢN CHÍNH SÁCH TRUNG ƯƠNG

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 1178/QĐ-BNN-TT ngày 31/3/2022 về phê duyệt Đề án tái canh cà phê giai đoạn 2021 - 2025, các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh Tây Nguyên tái canh 91 nghìn ha, trong đó trồng tái canh 64 nghìn ha, ghép cải tạo 27 nghìn ha. Trong đó, tỉnh Đắk Lắk 24 nghìn ha

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các quy trình kỹ thuật: Quyết định số 2085/QĐ-BNN-TT, ngày 31/5/2016 ban hành Quy trình tái canh cà phê với và Quyết định số 4428/QĐ-BNN-TT, ngày 09/11/2018 ban hành Quy trình tái canh cà phê chè; Quyết định số 3702/QĐ-BNN-TT, ngày 24/9/2018 ban hành Quy trình trồng xen cây hồ tiêu, cây bơ, cây sầu riêng trong vườn cà phê với.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 1178/QĐ-BNN-TT ngày 31/3/2022 về phê duyệt Đề án tái canh cà phê giai đoạn 2021 – 2025. Theo đó các tỉnh Tây Nguyên tái canh 91 nghìn ha, trong đó trồng tái canh 64 nghìn ha, ghép cải tạo 27 nghìn ha: cụ thể tỉnh Đắk Lắk cũ 24 nghìn ha. Trên cơ sở đó các địa phương đã ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch tái canh cà phê cho giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện tái canh trên diện tích cà phê già cỗi có năng suất, chất lượng thấp bằng các giống cà phê mới có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, kháng sâu bệnh, cho năng suất, chất lượng cao phù hợp với các tiêu chuẩn xuất khẩu như giống TR4, TR9, TR12, TRS1, ...

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã công bố chương trình cho vay tái canh cà phê theo Công văn số 3227/NHNN-TD ngày 11/5/2015 được chuyển sang áp dụng cơ chế cho vay phục vụ nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Thông tư số 10/2015/TT-NHNN; Thông tư số 25/2015/TT-NHNN, từ ngày 01/01/2019.

II. CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

- Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định

hướng đến năm 2030. Hiện nay Nghị quyết này đã được bãi bỏ tại Nghị quyết số Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh.

- Quyết định số 3262/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Theo kế hoạch giai đoạn 2022 - 2025, toàn tỉnh tái canh 24.441,8 ha.

- Quyết định số 2811/QĐ-UBND, 10/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Phát triển cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3540/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án Phát triển cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Thông qua chương trình hợp tác công tư, hàng năm Công ty TNHH Nestlé Việt Nam đã hỗ trợ cho bà con nông dân phí cây giống, từ năm 2021-2025 đã hỗ trợ 1.000 đ/cây từ năm 2017-2020, bình quân mỗi năm hỗ trợ khoảng 5 triệu cây giống cho bà con nông dân có nhu cầu sản xuất tái canh cà phê.

- Triển khai Công văn số 3227/NHNN-TD ngày 11/5/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn cho vay tái canh cà phê tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk có văn bản số 329/ĐAL-TH, ngày 14/5/2015, chỉ đạo 02 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương các cấp đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền; niêm yết công khai về điều kiện vay vốn, thủ tục vay vốn, mức cho vay, lãi suất cho vay để tổ chức, cá nhân biết, liên hệ vay vốn tái canh cà phê; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 3596/UBND-NN&MT, ngày 27/5/2015 về việc triển khai chính sách cho vay tái canh cà phê trên địa bàn tỉnh.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk có văn bản đề nghị 02 Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng nội dung tuyên truyền chính sách cho vay tái canh cà phê để phát trên sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tại Công văn số 520/ĐAL-TH ngày 08/8/2016; phối hợp với chính quyền địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về điều kiện vay vốn, thủ tục vay vốn, mức cho vay và lãi suất cho vay tái canh cà phê tại Công văn số 800/ĐAL-TH ngày 30/11/2016.

III. KẾT QUẢ TÁI CANH CÀ PHÊ

Triển khai Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích tái canh 24.441,8 ha, bình quân hàng năm sẽ tái canh khoảng 4.800 ha, dự kiến năm 2025 sẽ tái canh theo kế hoạch khoảng 5.136,06 ha.

Theo báo cáo của các địa phương: lũy kế kết quả tái canh đến năm 2025 đạt 20.462,4 ha/24.441,8 ha, đạt 83,11% kế hoạch, riêng năm 2025 thực hiện tái canh được 4.993 ha/5.136,06 ha kế hoạch, đạt 97,22%. Đây là một trong những năm có tỷ lệ diện tích tái canh đạt cao nhất trong những năm gần đây.

Bảng 1: Kết quả tái canh cà phê của tỉnh Đắk Lắk (cũ) từ năm 2021-2025*ĐVT:ha*

STT	Đơn vị	Tổng DT KH	Tổng DT TH	% KH	Diện tích Thực hiện năm 2021	Diện tích Thực hiện năm 2022	Diện tích Thực hiện năm 2023	Diện tích Thực hiện năm 2024	Diện tích Thực hiện năm 2025	Bình quân hàng năm
	TỔNG SỐ	24.441,8	20.462,4	83,11	3.503,6	3.389,8	3.861,8	4.712,3	4.995,0	4.092,5
1	TP Buôn Ma Thuột	1.392,7	1.091,9	78,40	82,5	146,0	187,4	289,0	387,0	218,4
2	Thị xã Buôn Hồ	1.873,3	1.828,1	97,59	360,7	297,4	516,0	390,0	264,0	365,6
3	Huyện Krông Búk	1.218,0	925,0	75,94	191,5	247,5	218,0	227,0	41,0	185,0
4	Huyện Krông Năng	3.242,6	2.049,5	63,21	551,4	328,7	406,4	285,0	478,0	409,9
5	Huyện Cư M'gar	4.350,0	3.243,0	74,55	691,0	519,0	519,0	1.133,0	381,0	648,6
6	Huyện Cư Kuin	2.666,7	1.866,8	70,01	103,6	439,5	430,7	542,0	351,0	373,4
7	Huyện Ea H'leo	2.690,0	2.020,3	75,10	427,3	455,0	511,0	427,0	200,0	404,1
8	Huyện Ea Kar	1949,7	1.266,8	59,48	130,5	153,8	140,0	143,5	699,0	253,4
9	Huyện Krông Bông	652,0	955,0	146,47	-	-	-	312,0	643,0	191,0
10	Huyện Buôn Đôn	190,0	218,0	114,74	-	-	35,0	-	183,0	43,6
11	Huyện M'Drắk	236,8	585,8	247,37	308,3	57,9	144,8	74,8	-	117,2
12	Huyện Krông Păk	2.438,0	2.543,0	104,31	346,0	440,0	462,0	562,0	733,0	508,6
13	Huyện Krông Ana	1.472,0	1.754,5	119,19	295,0	294,0	291,5	310,0	564,0	350,9
14	Huyện Lắk	70,0	114,7	163,86	15,7	11,0	-	17,0	71,0	22,9
15	Huyện Ea Súp	-	-	0	-	-	-	-	-	-

Diện tích cà phê tái canh chủ yếu trồng bằng giống mới, đã từng bước phát huy tiềm năng về năng suất và chất lượng cà phê nhân nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu. Kết thúc giai đoạn 2020-2025, chương trình tái canh cà phê đã đem lại một số hiệu quả, như: trẻ hóa vườn cây cà phê già cỗi, sâu bệnh, năng suất thấp không còn khả năng phục hồi, góp phần đưa năng suất cà phê của tỉnh từ 26,1 tạ/ha năm 2020 tăng lên 28 tạ/ha năm 2024; sản lượng 508.944 tấn năm 2020 lên 564.024 tấn năm 2024.

Một số diện tích cà phê tái canh được quản lý tốt về giống và kỹ thuật nên năng suất bình quân đạt 35 tạ/ha, tăng khoảng 07tạ/ha so với năng suất cà phê hiện có toàn tỉnh

III. GIỐNG CÀ PHÊ PHỤC VỤ TÁI CANH

Hiện nay, WASI đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận chính thức gồm 10 giống cà phê vối (9 dòng vô tính: TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TR11, TR12, TR13 và 01 giống hạt lai đa dòng TRS1). Ngoài các giống cà phê vối đã được công nhận chính thức, năm 2016, WASI cũng được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử 02 giống cà phê chín muộn TR14 và TR15. Trong đó gồm:

+ Bộ giống cà phê với chín trung bình: gồm 5 dòng vô tính (TR4, TR5, TR7, TR8, TR13): Năng suất: 4,2 - > 7 tấn/ha; thời điểm chín: tập trung (tháng 11 đến giữa tháng 12).

+ Bộ giống cà phê với chín trung bình đến hơi muộn: gồm 3 giống (TR9, TR11, TR12): Năng suất cao 5 - 6 tấn/ha, thời điểm chín: tập trung (T12 - 15/1 (TR12)).

+ Bộ giống cà phê với chín muộn: TR14, TR15 (công nhận sản xuất thử): Năng suất đạt 4,5 - 5,0 tấn nhân/ha, không bị bệnh gỉ sắt, có khả năng tiết kiệm được 01 đợt tưới.

+ Chọn tạo giống cà phê với hạt lai đa dòng TRS1 (công nhận chính thức): Năng suất: > 5 tấn/ha; tỷ lệ hạt trên sàng 16 (loại hạt R1): 85,3 %, tăng 27,7 % so với giống đại trà; tỷ lệ tươi nhân đạt trung bình 4,6; kháng gỉ sắt cao; thời điểm chín tập trung (11 - 12).

Hàng năm Viện Khoa học kỹ thuật NLN Tây nguyên cung cấp hàng triệu cây giống thực sinh, cây ghép; hàng chục tấn hạt giống TRS1. Đây là cơ sở cho nâng cao năng suất, chất lượng cà phê trên địa bàn trong thời gian tới.

IV. HỖ TRỢ GIỐNG VÀ TÍN DỤNG

** Hỗ trợ giống*

Thông qua Chương trình Hợp tác Công tư (PPP), Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân trong chương trình tái canh cà phê. Công ty TNHH Nestle Việt Nam kết hợp với Viện Khoa Học Nông Lâm Nghiệp Tây Nguyên (WASI). Theo đó, Công ty TNHH Nestle Việt Nam hỗ trợ 1.000 đ/cây giống giai đoạn từ 2018 đến nay. Đồng thời Công ty chỉ hỗ trợ giá cây giống (không phân biệt cây ghép hoặc cây thực sinh, không hỗ trợ chi phí vận chuyển) cho nông dân trồng tái canh diện tích cà phê già cỗi, không hỗ trợ trồng mới tại những vùng đất từ phá rừng, vùng đất không phù hợp cho phát triển cà phê tại địa phương.

Trong giai đoạn 2021-2025 Công ty TNHH Nestlé Việt Nam đã hỗ trợ 24.589.154 cây giống. Riêng năm 2025 đã hỗ trợ 5.492.490 cây giống cho 5.982 nông dân trong địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cây giống được phân phối thông qua các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương cũng như các nhóm trưởng nông dân trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Đồng thời Chương trình hỗ trợ cây giống tái canh sẽ được Công ty tiếp tục hỗ trợ cho nông dân trồng tái canh trong năm 2026, dự kiến sẽ hỗ trợ hơn 10 triệu cây giống cho nông dân.

** Về tín dụng:*

Với những chính sách kịp thời, hiệu quả của Chính phủ, UBND tỉnh, NHNN Việt Nam và sự nỗ lực quyết tâm vào cuộc của cấp ủy đảng, chính quyền, các TCTD đã góp phần khơi thông nguồn vốn tín dụng vào lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có tái canh cà phê (*trồng mới, ghép cải tạo*) vốn là cây công nghiệp chủ đạo, là thế mạnh của tỉnh. Nhờ nguồn vốn ngân hàng, một diện

tích lớn cà phê đã được trồng mới, ghép cải tạo, phát triển tốt, hứa hẹn cho năng suất cao, giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích được nâng lên rõ rệt, nhiều mô hình chuyển đổi giống cà phê đạt hiệu quả cho năng suất vượt trội, qua đó đã góp phần góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương tăng trưởng và phát triển bền vững.

Đến 30/9/2025, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh đạt 192.064 tỷ đồng¹tăng 83.349 tỷ đồng (*tương ứng 76,67%*) so với đầu năm 2021, tăng 22.450 tỷ đồng (*tương ứng 13,24%*) so với năm 2024; dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đạt 103.571 tỷ đồng (*chiếm 53,93% tổng dư nợ*) tăng 46.595 tỷ đồng (*tương ứng 81,78%*) so với đầu năm 2021, tăng 17.474 tỷ đồng (*tương ứng 20,30%*) so với năm 2024.

*** Về kết quả thực hiện cho vay tái canh cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025:**

Giai đoạn 2021-2025, các TCTD trên địa bàn đã tích cực triển khai chương trình cho vay tái canh cà phê. Dư nợ cho vay tái canh giảm dần qua các năm do phần lớn các khoản vay giai đoạn đầu đã đến hạn thu hồi hoặc được khách hàng trả nợ. Năm 2021, dư nợ đạt cao nhất **2.914 tỷ đồng** với **9.806 khách hàng** còn dư nợ, tương ứng diện tích tái canh **9.020 ha**. Từ năm 2022 trở đi, dư nợ giảm dần phù hợp với quá trình hoàn trả vốn vay. Đến **30/9/2025**, dư nợ còn **422 tỷ đồng**, với **2.064 khách hàng** và **2.604 ha** cà phê đã được tái canh còn đang trong thời kỳ chăm sóc.

V. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp UBND tỉnh và các cấp trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch tái canh cà phê trên địa bàn tỉnh.

- Công ty TNHH Nestlé Việt Nam đã hỗ trợ cây giống cho nông dân thực hiện chương trình tái canh cà phê.

- Các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động xây dựng Kế hoạch tái canh của địa phương, đồng thời công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật được ngành nông nghiệp quan tâm đúng mức và việc áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất được nhân dân hưởng ứng tích cực và đạt được hiệu quả.

- Sự quan tâm của Ngân hàng Nhà nước nhằm triển khai các chính sách hỗ trợ để phục công tác tái canh trên địa bàn tỉnh. Để thúc đẩy chính sách vay tái canh cà phê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã công bố chương trình cho vay tái canh cà phê theo Công văn số 3227/NHNN-TD ngày 11/5/2015 được chuyển sang áp dụng cơ chế cho vay phục vụ nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Thông tư 10/2015/TT-NHNN; Thông tư 25/2015/TT-NHNN, từ ngày 01/01/2019.

- Phối hợp của các tổ chức Đoàn thể, cơ quan báo đài tuyên truyền phổ biến Quy trình tái canh cà phê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Khó khăn

- Những năm 2021, 2022 và những tháng đầu năm 2023 giá cà phê chưa được như kỳ vọng, trong khi đó một số cây trồng khác như sầu riêng, tiêu, bơ... hiệu quả kinh tế khá hơn do đó người dân lựa chọn phương án trồng mới hoặc trồng xen cây sầu riêng, tiêu, bơ trên diện tích cà phê già cỗi, có ảnh hưởng đến tiến độ, diện tích thực hiện tái canh cà phê.

- Việc tái canh một vườn cà phê cần vốn đầu tư, chi phí ban đầu lớn, thời kỳ kiến thiết cơ bản cần 3 - 5 năm. Từ năm 2024 đến nay, do giá cà phê tăng cao, hiệu quả sản xuất cà phê tăng cũng làm cho nông dân chưa mạnh dạn tái canh vì sợ giảm thu nhập khi trồng tái canh giai đoạn kiến thiết cơ bản chưa cho thu hoạch.

- Người dân chưa mạnh dạn thực hiện tái canh cà phê vì đa số diện tích cà phê cần tái canh chủ yếu nằm ở các hộ dân độc canh cây cà phê, vườn cà phê là nguồn thu nhập chính của gia đình nhưng theo quy trình tái canh có 2 năm cải tạo đất và 3 năm kiến thiết, hộ nông dân bị gián đoạn thu nhập, ảnh hưởng đến đời sống của hộ nông dân nên chưa mạnh dạn triển khai thực hiện tái canh.

- Tái canh cà phê đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn, rủi ro cao, ngoài nguồn vốn tự có, người sản xuất tiếp cận nguồn vốn vay còn có nhiều trở ngại.

- Một số hộ dân trong quá trình tái canh cà phê chưa tuân thủ tốt các kỹ thuật về xử lý đất, luân canh, chăm sóc theo hướng dẫn tập huấn, các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định về quy trình tái canh cà phê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phần lớn hộ sản xuất cà phê diện tích canh tác phân tán nhỏ lẻ, sản xuất manh mún cũng là một trong những nguyên nhân gây khó khăn trong quá trình triển khai chương trình tái canh cà phê.

- Nhiều diện tích cà phê nằm trong vùng quy hoạch tái canh nhưng chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất khiến nông hộ không thể sử dụng làm tài sản thế chấp để vay vốn.

PHẦN III

KẾ HOẠCH NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2025-2026 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TÁI CANH CÀ PHÊ GIAI ĐOẠN 2026-2030

A. KẾ HOẠCH NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2025-2026.

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM.

1. Dự báo tình hình cà phê thế giới Niên vụ 2025-2026

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng cà phê toàn cầu trong Niên vụ 2025-2026 được dự báo sẽ tăng thêm 4,3 triệu bao so với năm trước, lên mức kỷ lục 178,7 triệu bao, nhờ sự phục hồi liên tục tại Việt Nam và Indonesia cùng với sản lượng cao kỷ lục tại Ethiopia. USDA dự báo xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu dự kiến tăng thêm 700.000 bao, lên 122,3 triệu bao, do mức tăng từ Việt Nam, Ethiopia và Indonesia đủ bù đắp phần sụt giảm từ Brazil và Colombia. Trong khi đó, tiêu thụ cà phê toàn cầu được dự báo sẽ đạt kỷ lục mới 169,4 triệu

bao. Kết quả là tồn kho cuối kỳ dự kiến vẫn duy trì ở mức thấp, khoảng 22,8 triệu bao.

Brazil: Tổng sản lượng cà phê arabica và robusta của Brazil dự kiến chỉ tăng nhẹ 300.000 bao, đạt 65 triệu bao trong niên vụ 2025 - 2026. Trong đó, sản lượng robusta được dự báo đạt kỷ lục 24,1 triệu bao, tăng 3,1 triệu bao nhờ lượng mưa thuận lợi hỗ trợ quá trình phát triển trái ở các bang sản xuất chủ chốt như Espírito Santo và Bahia. Ngược lại, sản lượng arabica dự kiến giảm 2,8 triệu bao, xuống còn 40,9 triệu bao do hạn hán và nhiệt độ cao tại Minas Gerais và São Paulo ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình ra hoa và đậu quả. Xuất khẩu của Brazil được dự báo giảm do giá cao khiến các nước nhập khẩu hạn chế bổ sung dự trữ. Do đó, tồn kho cuối kỳ dự kiến tăng 1 triệu bao, lên 1,7 triệu bao sau khi sụt giảm mạnh trong năm trước.

Colombia: Sản lượng cà phê của Colombia được dự báo giảm 700.000 bao, xuống còn 12,5 triệu bao, do mưa lớn và mây nhiều làm gián đoạn thời kỳ ra hoa, dẫn đến năng suất giảm. Mặc dù các điều kiện này thuận lợi cho bệnh gỉ sắt phát triển, tỷ lệ phát hiện bệnh nhìn chung vẫn thấp nhờ các giống cây kháng bệnh chiếm tỷ lệ cao. Xuất khẩu cà phê nhân (chủ yếu sang Mỹ và EU) dự báo giảm 500.000 bao, xuống 10,7 triệu bao do sản lượng thấp.

Indonesia: Sản lượng cà phê của Indonesia được dự báo tăng thêm 550.000 bao, đạt 11,3 triệu bao. Trong đó, sản lượng robusta có thể đạt 9,8 triệu bao nhờ điều kiện canh tác thuận lợi tại các vùng đất thấp ở miền Nam Sumatra và Java, nơi chiếm khoảng 75% tổng sản lượng. Sản lượng arabica cũng dự kiến tăng nhẹ, đạt 1,5 triệu bao. Sản lượng tăng được kỳ vọng sẽ giúp xuất khẩu cà phê nhân tăng 400.000 bao, lên 6,5 triệu bao.

Ethiopia: Sản lượng cà phê của Ethiopia được dự báo tăng 900.000 bao, lên mức kỷ lục 11,6 triệu bao. Trong ba năm gần đây, sản lượng tăng mạnh nhờ việc thay thế hơn một nửa diện tích trồng bằng các giống cà phê có năng suất cao hơn. Người trồng cũng được khuyến khích tỉa cành sau thu hoạch để cải thiện năng suất. Xuất khẩu cà phê nhân dự báo tăng 800.000 bao, lên 7,8 triệu bao nhờ nguồn cung tăng.

Trung Mỹ và Mexico: Khu vực Trung Mỹ và Mexico được dự báo có sản lượng tăng 300.000 bao, đạt 17,7 triệu bao. Ngoại trừ sự sụt giảm nhẹ tại Costa Rica, hầu hết các nước còn lại đều ghi nhận mức tăng nhẹ. Xuất khẩu cà phê nhân toàn khu vực được dự báo không đổi ở mức 14,1 triệu bao, nhờ duy trì ổn định các đơn hàng từ các thị trường chính. Cà phê nhân toàn khu vực được dự báo không đổi ở mức 14,1 triệu bao, nhờ duy trì ổn định các đơn hàng từ các thị trường chính.

2. Dự báo tình hình cà phê Việt Nam Niên vụ 2025-2026

USDA dự báo sản lượng cà phê của Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi, đạt 31 triệu bao trong niên vụ 2025 - 2026 (trong đó sản lượng robusta ước đạt 30 triệu bao, còn arabica đạt khoảng 1 triệu bao), cao hơn gần 7% so với niên vụ trước đó nhờ năng suất tăng lên dưới điều kiện thời tiết thuận lợi. Giá cà phê cao cũng tạo điều kiện cho người trồng cà phê gia tăng đầu tư vào phân bón và các vật tư

đầu vào nhằm nâng cao năng suất. Diện tích thu hoạch được dự báo gần như không đổi, với khoảng 95% tổng sản lượng vẫn là cà phê robusta. Xuất khẩu cà phê nhân của Việt Nam được dự báo tăng thêm 1,6 triệu bao, lên 24,6 triệu bao nhờ nguồn cung dồi dào.

Diện tích trồng cà phê tại Việt Nam đã tăng đều đặn kể từ năm 2013. Năm 2024, tổng diện tích cà phê ước đạt 730.000 ha, trong đó 92% diện tích đã cho thu hoạch; phần còn lại chưa đủ tuổi khai thác. Khu vực Tây Nguyên chiếm 92% tổng diện tích trồng và 90% sản lượng cà phê toàn quốc. Khu vực này có độ cao phù hợp, đất bazan màu mỡ và mùa mưa - mùa khô rõ rệt, rất lý tưởng để trồng cà phê robusta chất lượng cao. Mặc dù một số phương tiện truyền thông đưa tin người dân chuyển sang trồng các loại cây có giá trị cao hơn như sầu riêng, số liệu chính thức vẫn cho thấy diện tích cà phê tiếp tục mở rộng.

USDA nhận định quy định chống phá rừng mới của Liên minh châu Âu (EUDR), dự kiến có hiệu lực từ năm 2026, đang tạo ra những thách thức cho ngành cà phê Việt Nam, do hiện có tới 41% cà phê xuất khẩu của Việt Nam đi vào EU. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang xây dựng hệ thống giám sát vùng trồng để hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ EUDR. Hệ thống này hiện thu thập dữ liệu từ 136.000 ha diện tích trồng cà phê. Ngoài giám sát các khu vực có rủi ro cao (như cà phê trồng trong rừng), hệ thống còn tạo lập cơ sở dữ liệu quốc gia về sản xuất và tài nguyên cà phê, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ các chương trình chứng nhận như 4C, Rainforest Alliance và Fair Trade.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TRONG TỈNH NIÊN VỤ 2025- 2026.

1. Về sản xuất:

Hiện nay các địa phương của tỉnh đang bước vào thu hoạch cà phê niên vụ 2025-2026, Trước tình hình mưa bão lũ lụt, diễn biến phức tạp, đồng thời do biến đổi khí hậu (BĐKH) trên toàn cầu, diễn biến của BĐKH trên cả nước nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng ngày càng phức tạp và nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế của nhân dân trong tỉnh; các hiện tượng thời tiết cực đoan có xu hướng gia tăng về tần suất và khó dự báo. Do đó, để đảm bảo cho việc thu hoạch, chế biến và tiêu thụ cà phê niên vụ 2025-2026 đạt hiệu quả cao, đồng thời duy trì vị thế của Đắk Lắk là trung tâm sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất cả nước, phát triển sản xuất cà phê bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và thu nhập cho người trồng cà phê UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 011/CT-UBND ngày 24/11/2025 về việc sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ cà phê niên vụ 2025 – 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Dự kiến diện tích cà phê Niên vụ cà phê 2025-2026 tiếp tục duy trì khoảng 214,421,4 ha (đã bao gồm 321,4 ha của tỉnh Phú Yên cũ), trong đó diện tích cho sản phẩm ước đạt 204.583 ha, năng suất ước đạt 28,8 tạ/ha, tổng sản lượng ước đạt khoảng 588.093,9 tấn. Quan điểm của tỉnh Đắk Lắk không tăng diện tích cà phê, tập trung chuyển đổi diện tích cà phê kém hiệu, không đảm bảo nguồn nước sang các loại cây trồng khác;

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 2220/QĐ-UBND, ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên Minh Châu Âu, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2026-2030 nhằm cải tạo dần những diện tích vườn cà phê già cỗi, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

2. Về xuất khẩu: Dự kiến số lượng cà phê xuất khẩu cà phê Niên vụ 2025-2026 dự kiến đạt 280.000 tấn, cụ thể:

ST T	Niên vụ 2025-2026	Số lượng (tấn)
01	Quý 4 năm 2025	40.000
02	Quý 1 năm 2026	80.000
03	Quý 2 năm 2026	100.000
04	Quý 3 năm 2026	60.000
	Tổng cộng	280.000

B. KẾ HOẠCH TÁI CANH GIAI ĐOẠN 2026-2030

Tập trung tái canh diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp, bị sâu bệnh gây hại nặng bằng các giống cà phê có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng địa phương, phấn đấu đến năm 2030 năng suất bình quân đạt tỉnh đạt 3 tấn/ha, góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân, đồng thời xây dựng vùng cà phê bền vững.

I. VỀ DIỆN TÍCH

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với UBND các phường, xã có diện tích cà phê rà soát diện tích cà phê cần tái canh giai đoạn 2026-2030. tính đến ngày 02/12/2025 các địa phương đã đăng ký với tổng diện tích dự kiến là 15.135 ha/214.421 ha hiện có, chiếm khoảng 7% tổng diện tích cà phê toàn tỉnh. Cụ thể:

- Năm 2026: tổng diện tích tái canh 3.351 ha.
- Năm 2027: tổng diện tích tái canh 2.895 ha.
- Năm 2028: tổng diện tích tái canh 2.891 ha.
- Năm 2029: tổng diện tích tái canh 2.923 ha.
- Năm 2030: tổng diện tích tái canh 3.075 ha.

II. GIỐNG CÀ PHÊ CHO TÁI CANH

- Xác định cơ cấu giống cà phê có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái một số tiểu vùng tái canh, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất cà phê.

- Rà soát phân loại, đánh giá, lựa chọn các cơ sở nhân giống cà phê đủ điều kiện để nhân giống cà phê phục vụ kế hoạch trồng tái canh cà phê trên địa bàn. Tăng cường quản lý và kiểm tra chất lượng cây giống cà phê trên địa bàn.

- Sử dụng 100% giống cà phê có năng suất, chất lượng cao, chín đều, thích ứng biến đổi khí hậu trong tái canh và trồng mới.

III. VỀ TÍN DỤNG CHO VAY TÁI CANH CÀ PHÊ GIAI ĐOẠN 2026-2030

Để đầu tư tín dụng cho nông nghiệp nói chung và tái canh cà phê nói riêng thực sự hiệu quả, cùng với các chính sách và giải pháp của ngành Ngân hàng rất cần sự vào cuộc của các sở, ngành, chính quyền địa phương và bản thân các cá nhân, tổ chức sản xuất nông nghiệp trong triển khai đồng bộ các giải pháp của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước cũng như chính quyền địa phương để giải quyết các khó khăn, vướng mắc kể trên.

Về phía ngành Ngân hàng, thời gian tới sẽ tiếp tục đồng hành và triển khai quyết liệt các giải pháp để đẩy mạnh đầu tư tín dụng có hiệu quả phục vụ tái canh cà phê của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn, cụ thể:

- Triển khai Công văn số 9086/NHNN-TD ngày 16/10/2025 của NHNN Việt Nam về việc triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục xác định nông nghiệp, nông thôn (*trong đó bao gồm cho vay tái canh cà phê*) là một trong các lĩnh vực, đối tượng ưu tiên hàng đầu, theo đó tiếp tục mở rộng tín dụng và ưu tiên tập trung vốn cho vay đối với lĩnh vực này.

- Triển khai thực hiện thông báo của NHNN Việt Nam về lãi suất cho vay tái canh cà phê tại Tây Nguyên năm 2026.

- Triển khai các sản phẩm tín dụng phù hợp với đặc thù của sản xuất nông nghiệp; kịp thời triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách, tín dụng ưu đãi đang thực thi nhằm giúp người dân, doanh nghiệp ổn định cuộc sống và khôi phục, phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Chỉ đạo các TCTD tiếp tục thực hiện ổn định mặt bằng lãi suất tiền gửi và phân đấu giảm mặt bằng lãi suất cho vay thông qua tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cơ cấu, tổ chức lại bộ máy; tiếp tục có chính sách tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng đối với doanh nghiệp, người dân.

- Tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội như Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đoàn Thanh niên tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách về tín dụng nông nghiệp, nông thôn và chuyển tải vốn đến người dân, doanh nghiệp một cách hiệu quả nhất.

C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ.

I. MỘT SỐ GIẢI PHÁP.

1. Để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ cà phê Niên vụ 2025-2026, yêu cầu các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh. UBND các xã, phường chủ động ban hành kế hoạch triển khai Chỉ thị đảm bảo hiệu quả trên địa bàn.

2. Đề án Phát triển cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã kết thúc giai đoạn. Sở Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương trình UBND tỉnh phê duyệt “Đề án cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk” trên cơ sở sáp nhập tỉnh Đắk Lắk mới và tổ chức thực hiện chính quyền địa phương hai cấp; các xã, phường liên quan tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình tái canh cà phê trên những diện tích cà phê già cỗi, sâu bệnh và năng suất thấp, đảm bảo 100% diện tích tái canh được sử dụng giống tốt và áp dụng đúng quy trình tái canh đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

3. Trên cơ sở kết quả rà soát diện tích cần tái canh cà phê của các địa phương, UBND tỉnh sẽ ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

4. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 2220/QĐ-UBND, ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên Minh Châu Âu, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai có hiệu quả Kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Đẩy mạnh phát triển sản xuất cà phê đặc sản của tỉnh, nhằm khai thác thêm phân khúc thị trường mới, đa dạng hóa mặt hàng, nâng cao giá trị gia tăng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong và ngoài nước. Định hướng vùng trồng thuận lợi, thích hợp cho sản xuất cà phê đặc sản.

6. Trên cơ sở định hướng phát triển cà phê của tỉnh, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý sản xuất cà phê bền vững: Xây dựng phần mềm quản lý và đào tạo nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai kế hoạch, kiểm tra giám sát sản xuất cà phê bền vững; lập bản đồ số lý lịch vườn cây, cập nhật cơ sở dữ liệu hàng năm về tình hình tái canh, cải tạo giống.

7. Hỗ trợ thực hiện liên kết phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thúc đẩy tập quán canh tác bền vững trong đó có chú ý đến các vấn đề giảm thiểu mức sử dụng nước tưới, phân bón, hoá chất, cải thiện cảnh quan nông nghiệp và bảo vệ tài nguyên tự nhiên. Tổ chức tập huấn cho các nông hộ quy trình trồng xen cây hồ tiêu, cây bơ và sầu riêng trong vườn cà phê với theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

8. Tổ chức tuyên truyền cho nông dân nhằm nâng cao nhận thức về sản xuất cà phê bền vững, gắn với lợi ích kinh tế - xã hội – môi trường. Vận động

nông dân tham gia tổ chức thành lập nhóm hộ, tổ chức nông dân, hợp tác xã ... Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ và khuyến khích nông dân tập trung thâm canh cà phê theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất cà phê có chứng nhận, mã số vùng trồng từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê.

9. Tăng cường xúc tiến, mời gọi các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm, đã và đang đầu tư các dự án chế biến cà phê chuyên sâu (chế biến tinh) tại Việt Nam đầu tư vào tỉnh thông qua các hội nghị, hội thảo mang tầm quốc gia, quốc tế; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại tại các hội chợ, triển lãm ở trong và ngoài nước. Hỗ trợ doanh nghiệp nắm bắt thông tin giá cả, tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, kết nối và thúc đẩy hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu mới; tham gia các hội chợ chuyên ngành cà phê nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác, xuất khẩu cà phê.

10. Hỗ trợ kinh phí trong việc đăng ký bảo hộ mở rộng sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột; Tiếp tục thực hiện công tác quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm; Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của thế giới, như: HACCP, ISO 22000... trong chế biến để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm;

11. Thường xuyên thông tin đến doanh nghiệp các văn bản, quy định của chính phủ, bộ ngành mới ban hành về các lĩnh vực như xuất, nhập khẩu, tài chính, thuế, hải quan.... Thường xuyên cập nhật thông tin từ hệ thống thương vụ Việt Nam tại các nước để nắm bắt các thay đổi trong quy định kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu của các nước, nắm bắt các nhu cầu của các địa phương tại các quốc gia trên thế giới để thông tin đến doanh nghiệp.

II. KIẾN NGHỊ VỚI CẤP BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG, HIỆP HỘI CÀ PHÊ - CA CAO VIỆT NAM.

1. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Phối hợp với các Bộ, ngành ban hành các chính sách thu hút khuyến khích đầu tư phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung, hỗ trợ nguồn kinh phí cho công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích cà phê không phù hợp, kém hiệu quả, thiếu nguồn nước sang các loại cây trồng khác, hỗ trợ thực hiện công tác chuyển đổi số cho lĩnh vực trồng trọt. Chỉ đạo Ban điều phối ngành hàng cà phê đưa nội dung phát triển cà phê chất lượng cao, cà phê đặc sản vào các chương trình hành động điều phối tầm quốc gia.

- Tiếp tục quan tâm hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho HTX sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2026-2030

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành hệ thống giám sát vùng trồng để hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ quy định EUDR trên cây cà phê (giám sát các khu vực có rủi ro cao (như cà phê trồng trong rừng), tạo lập cơ sở dữ liệu quốc gia về sản xuất và tài nguyên cà phê, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ các chương trình chứng nhận như 4C, Rainforest Alliance và Fair Trade)

2. Đề nghị Bộ Công Thương: Quan tâm hỗ trợ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia cho tỉnh Đắk Lắk để đẩy mạnh công tác xúc tiến, tìm kiếm thị trường, quảng bá sản phẩm cà phê nhất là sản phẩm cà phê có Chỉ dẫn địa lý “cà phê Buôn Ma Thuột”, “cà phê đặc sản” ra thị trường thế giới.

3. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Tiếp tục chỉ đạo các ngân hàng thương mại ưu tiên giải ngân cũng như có chính sách hỗ trợ lãi suất dành cho doanh nghiệp kinh doanh nông sản đặc biệt là ngành cà phê của tỉnh.

4. Đề nghị Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam: Tiếp tục hỗ trợ Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột trong bảo hộ và phát triển thương hiệu, phát triển cà phê đặc sản Việt Nam, tiếp tục hỗ trợ duy trì “Cuộc thi cà phê đặc sản Việt Nam 2026”, hỗ trợ, tạo điều kiện tổ chức cuộc thi “Rang cà phê”. Xem xét trích nguồn thu phí xuất khẩu cà phê hỗ trợ cho Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến thương mại sản phẩm cà phê.

5. Đối với các doanh nghiệp: Chủ động phát triển, liên kết vùng nguyên liệu, nâng cao chất lượng cà phê để thâm nhập vào chuỗi cung ứng thế giới; Xây dựng kế hoạch phát triển thương hiệu để phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp trong các tranh chấp quốc tế; Chủ động xây dựng các biện pháp ứng phó với các tình huống có thể xảy ra như dịch bệnh kéo dài, xung đột chính trị giữa các quốc gia trên thế giới gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng cũng như ách tắc trong vận tải hàng hóa.

Xây dựng kế hoạch phát triển thương hiệu để phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp trong các tranh chấp quốc tế.

Trên đây là báo cáo tổng kết sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất khẩu cà phê Niên vụ 2024 - 2025 và kế hoạch Niên vụ cà phê 2025 – 2026 và tổng kết tái canh cà phê giai đoạn 2020-2025, kế hoạch tái canh giai đoạn 2026-2030 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT, CT,
- Tài chính, KH&CN;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Hiệp hội cà phê ca cao Việt Nam;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, CT, TC; KH&CN;
- Liên Minh HTX tỉnh;
- Ngân hàng NNVN- Chi nhánh KV 11;
- Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các phòng: TH, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Đg-6b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn